

CHI TIẾT KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

PHẦN THỨ NHẤT TỔNG QUAN CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐẮK LẮK

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (DTI) là cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển, chuyển đổi số của tỉnh.
- Tạo điều kiện để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi chỉ số, các tiêu chí thành phần về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; đồng thời, xây dựng các chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bộ chỉ số chuyển đổi số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Bộ chỉ số chuyển đổi số tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Bộ chỉ số chuyển đổi số nhằm hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong quá trình áp dụng, triển khai chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị.
- Sử dụng thống nhất hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ, phục vụ cho việc thu thập, cập nhật số liệu và xác định các chỉ số chuyển đổi số. Đồng thời, tăng cường sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn trong quá trình đánh giá chuyển đổi số.

3. Quá trình xây dựng Bộ chỉ số

- Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia góp ý kiến.
- Ngày 02/11/2022, Sở Thông tin và Truyền thông có Tờ trình số 118/TTr-STTTT đề nghị UBND tỉnh xem xét ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk để đánh giá chỉ số chuyển đổi số cho các cơ quan,

đơn vị năm 2022

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Thu thập, tổng hợp theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11/11/2022.

b) Đối tượng áp dụng:

- 18 sở, ban, ngành (gọi chung cấp sở):

- + Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Sở Xây dựng.
- + Sở Thông tin và Truyền thông.
- + Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- + Sở Giao thông vận tải.
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- + Sở Giáo dục và Đào tạo.
- + Sở Khoa học và Công nghệ.
- + Sở Tài chính.
- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Sở Tư pháp.
- + Sở Ngoại vụ.
- + Sở Y tế.
- + Sở Công Thương.
- + Sở Nội vụ.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường.
- + Thanh tra tỉnh.
- + Ban Dân tộc tỉnh.

- 15 UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

II. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ

1. Chỉ số chuyển đổi số cấp sở

DTI cấp tỉnh gồm 02 nhóm, có 06 chỉ số chính, 41 chỉ số thành phần, thang điểm 1.000, cụ thể:

STT	Chỉ số chính (06 chỉ số chính)	Chỉ số thành phần (41 Chỉ số thành phần)	Tổng điểm (1.000)
I	Nhóm chỉ số nền tảng chung		
1	Nhận thức số	04	100
2	Thế chế số	03	100
3	Hạ tầng số	07	100
4	Nhân lực số	04	100
5	An toàn thông tin mạng	10	100
II	Nhóm chỉ số hoạt động		
6	Hoạt động chính quyền số	13	500

2. Chỉ số chuyển đổi số cấp huyện

DTI cấp huyện gồm 02 nhóm, có 08 chỉ số chính, 65 chỉ số thành phần, thang điểm 1.000, cụ thể:

STT	Chỉ số chính (08 chỉ số chính)	Chỉ số thành phần (65 Chỉ số thành phần)	Tổng điểm (1.000)
I	Nhóm chỉ số nền tảng chung		
1	Nhận thức số	06	100
2	Thế chế số	05	100
3	Hạ tầng số	11	100
4	Nhân lực số	07	100
5	An toàn thông tin mạng	11	100
II	Nhóm chỉ số hoạt động		

STT	Chỉ số chính (08 chỉ số chính)	Chỉ số thành phần (65 Chỉ số thành phần)	Tổng điểm (1.000)
6	Hoạt động chính quyền số	12	200
7	Hoạt động kinh tế số	07	150
8	Hoạt động xã hội số	05	150

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, xếp hạng

- Việc đánh giá chuyển đổi số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm đánh giá.

- Cho phép cơ quan, đơn vị tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung đánh giá.

2. Phương pháp đánh giá và cho điểm

- Việc đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các nội dung đánh giá.

- Thời gian của việc đánh giá, xếp hạng được thực hiện trong cả năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện căn cứ vào số điểm của từng cơ quan để xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp.

- Thực hiện xếp hạng tổng thể chỉ số chuyển đổi số với 02 nhóm cơ quan bao gồm:

- + Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành.
- + Xếp hạng chỉ chuyển đổi số các UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Quá trình thu thập và xử lý số liệu

a) Thu thập số liệu

Kết quả có 15/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố và 18/18 sở, ban, ngành báo cáo.

b) Đánh giá sơ bộ về số liệu thu được

Quá trình xây dựng Bộ chỉ số chuyển đổi số công phu, nghiêm túc; nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi, trao đổi thẳng thắn, lắng nghe và tiếp thu một cách hết sức cầu thị. Việc đánh giá Chỉ số chuyển đổi số theo Quyết định số 2534/QĐ-UBND sẽ được thực hiện trên Hệ thống DTI để thay thế hình thức báo cáo bằng văn bản giấy.

Tuy nhiên, qua thẩm định kết quả báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống DTI, UBND tỉnh thấy vẫn còn phổ biến một số sai sót trong quá trình nhập liệu và tổng hợp số liệu điều tra như số liệu không hợp lý, nhập liệu chưa đúng theo yêu cầu, các số liệu ước đoán, không chính xác, tài liệu kiểm chứng chưa phù hợp theo các tiêu chí đánh giá của bộ chỉ số...

c) Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh số liệu

Sau khi kiểm tra, phát hiện sự không hợp lý của số liệu, tài liệu kiểm chứng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh tiến hành các công việc sau:

- Đăng nhập vào Hệ thống DTI gửi yêu cầu tới cơ quan, đơn vị (*qua địa chỉ thư công vụ*) đề nghị bổ sung, chỉnh sửa cập nhật lại các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Thông qua các nguồn thông tin chính thức có thể như: Kiểm tra thực tế tại một số cơ quan, đơn vị; Các báo cáo định kỳ hằng năm của UBND các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành.

d) Công tác chấm điểm

- Từ ngày 26/3/2024 đến hết ngày 15/4/2024, Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá, thẩm định và cho ý kiến số liệu, tài liệu do các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp qua Hệ thống DTI.

- Từ ngày 02/5/2024 đến hết ngày 15/5/2024, các thành viên Hội đồng thẩm định (là các thành viên thuộc Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh) thực hiện thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh số liệu.

- Từ ngày 15/5/2024 đến hết ngày 15/6/2024, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tham mưu UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh năm 2023.

PHẦN THỨ HAI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
VÀ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023

I. Chỉ số tổng hợp các sở, ban, ngành của tỉnh

Bảng 1: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành năm 2023

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,91507	1
2	Sở Công Thương	0,89446	2
3	Sở Tài chính	0,886	3
4	Sở Thông tin và Truyền thông	0,87792	4
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,85483	5
6	Sở Xây dựng	0,84766	6
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0,84509	7
8	Sở Tư pháp	0,84187	8
9	Sở Y tế	0,832	9
10	Sở Khoa học và Công nghệ	0,83073	10
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,81326	11
12	Sở Ngoại vụ	0,7903	12
13	Sở Nội vụ	0,78482	13
14	Thanh tra tỉnh	0,78092	14
15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	0,76048	15
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,75311	16
17	Sở Giao thông vận tải	0,69738	17
18	Ban Dân tộc tỉnh	0,594	18

II. Chỉ số tổng hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố

Bảng 2: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2023

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	0,91416	1
2	UBND huyện Krông Pắc	0,90512	2
3	UBND huyện Ea H'leo	0,883075	3
4	UBND huyện Cư Kuin	0,84974	4
5	UBND huyện Krông Năng	0,836505	5
6	UBND thị xã Buôn Hồ	0,78002	6
7	UBND huyện Lắk	0,77889	7
8	UBND huyện Ea Súp	0,77692	8
9	UBND huyện Cư M'gar	0,77476	9
10	UBND huyện Buôn Đôn	0,76774	10
11	UBND huyện Krông Búk	0,72946	11
12	UBND huyện Krông Ana	0,72049	12
13	UBND huyện Krông Bông	0,683975	13
14	UBND huyện M'Drắk	0,59352	14
15	UBND huyện Ea Kar	0,5046	15

PHẦN THỨ BA

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

- Năm 2023, là năm thứ tư tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, nhà nước thuộc tỉnh; do đó, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều kinh nghiệm triển khai; đặc biệt là nhận thức về vai trò, ý nghĩa của chỉ số đánh giá trong quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn vị.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc bước đầu thực hiện triển khai hoạt động Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Thể hiện ở giá trị trung bình đạt 0,826825 điểm cấp sở và 0,7768 điểm cấp huyện.

- Nhận thức, thói quen từ môi trường thực sang môi trường số từng bước được chuyển đổi và tiến trình Chuyển đổi số đã đạt được một số kết quả khả quan.

2. Đối với các sở, ban, ngành

- Chỉ số Nhận thức số (100 điểm):

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt điểm tối đa gồm: Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh.

+ Nhóm sở, ngành có điểm từ 80 đến dưới 100 điểm gồm: Sở Kế hoạch, đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính.

+ Nhóm Sở, ngành có điểm từ 50 đến dưới 80 điểm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc tỉnh.

- Chỉ số Thể chế số (100 điểm):

+ Nhóm các đơn vị đạt điểm tối đa gồm các sở, ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông vận tải, Ban Dân tộc tỉnh.

+ Nhóm các đơn vị đạt 60 đến 80 điểm gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ số Hạ tầng số, Nhân lực số, An ninh mạng (100 điểm):

Riêng chỉ có Thanh tra tỉnh đạt điểm tối đa về chỉ số Hạ tầng số, Sở Công Thương đạt điểm tối đa chỉ số Nhân lực số, còn lại các cơ quan, đơn vị không đạt điểm tối đa. Hiện nay, nguồn nhân lực cho chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị của tỉnh chưa đáp ứng được cả nhu cầu về số lượng, chất lượng. Hạ tầng số và công tác bảo đảm an toàn an ninh mạng tại các cơ quan, đơn vị chưa được đầu tư, hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Chỉ số Hoạt động Chính quyền số (500 điểm):

Các sở, ngành của tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác chuyển đổi số và sự cố gắng, nỗ lực các cấp, các ngành trong tỉnh công tác chuyển đổi số. Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý cho chuyển đổi số đã được các sở, ngành quan tâm và đạt được kết quả tích cực. Điển hình là các sở, ngành đã ban hành các Chương trình thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch giai đoạn và năm về Chuyển đổi số. Năm 2023, các sở, ngành của tỉnh đạt từ 200 điểm đến 400 điểm đối với chỉ số Chính quyền số.

- Riêng đối với 02 đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến là Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh; phương án tính điểm: trừ 100 điểm vào tổng điểm, điểm sẽ tính như sau: $\frac{\text{Điểm thẩm định}}{900 \text{ điểm}}$

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ số Nhận thức số (100 điểm):

+ Nhóm đạt điểm tối đa gồm: UBND thành phố Buôn Ma thuật, UBND huyện Lắk, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Krông Pắc.

+ Nhóm đơn vị có số điểm từ 90 điểm đến dưới 100 điểm gồm: UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Buôn Đôn.

+ Nhóm dưới 90 điểm gồm: UBND huyện Krông Bông, UBND huyện M'Drăk, UBND huyện Ea Kar.

- Chỉ số Thể chế số (100 điểm):

+ Nhóm đạt điểm tối đa gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuật, UBND huyện Lắk, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện

Krông Ana, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Buôn Đôn.

+ Nhóm đạt từ 60 điểm đến 80 điểm gồm: UBND huyện Krông Bông, UBND huyện M'Drăk, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Ea Kar.

- Chỉ số Hạ tầng số, Nhân lực số, An toàn, An ninh mạng (100 điểm): Năm 2023, riêng chỉ có UBND huyện Krông Pắc đạt điểm tối đa về chỉ số Hạ tầng số, UBND huyện Krông Bông đạt điểm tối đa về chỉ số Nhân lực số, còn lại các cơ quan, đơn vị không đạt điểm tối đa. Hiện nay, nguồn nhân lực cho chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị còn chưa đáp ứng được cả nhu cầu về số lượng, chất lượng. Hạ tầng số và công tác bảo đảm an toàn an ninh mạng tại các cơ quan, đơn vị chưa được đầu tư, hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Chỉ số Hoạt động Chính quyền số (200 điểm):

+ Nhóm từ 120 điểm đến 180 điểm gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Lắk, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Buôn Đôn.

+ Nhóm từ 80 điểm đến 120 điểm gồm: UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Ea Kar, UBND huyện M'Drăk, UBND huyện Cư M'gar.

- Chỉ số Kinh tế số (150 điểm):

+ Nhóm điểm từ 100 đến 150 điểm gồm: UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Ea H'leo, UBND thành Phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Buôn Đôn, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Cư Kuin;

+ Nhóm điểm đạt dưới 80 điểm gồm: UBND huyện Ea Kar, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện M'Drăk, UBND huyện Lắk.

- Chỉ số Xã hội số (150 điểm):

+ Nhóm đạt điểm từ 120 điểm đến dưới 150 điểm gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Pắc;

+ Nhóm các cơ quan, đơn vị từ 90 đến dưới 120 điểm gồm: UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện M'Drăk, UBND huyện Lắk.

+ Đặc biệt đối với trụ cột Xã hội số có 01 đơn vị đạt điểm dưới 30 điểm: UBND huyện Ea Kar.

II. KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định chỉ số đánh giá chuyển đổi số các năm tiếp theo được tốt hơn, phát huy vai trò tích cực của chỉ số chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; UBND tỉnh yêu cầu Thủ tướng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành việc triển khai Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án “Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2024; Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS ngày 06/02/2024 của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh năm 2024.

2. Tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2023 trong phạm vi đơn vị mình để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và xác định Chỉ số chuyển đổi số. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả đánh giá chuyển đổi số năm 2023 để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc cải thiện nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết để phát huy những tiêu chí có điểm số cao, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những tiêu chí đạt điểm thấp.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk; nâng cao hiệu quả hiệu lực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp./.